

Fund Factsheet

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (DFVN-CAF)

Ngày 31/03/2025

Mục tiêu đầu tư:

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán VN.

Chiến lược đầu tư:

Đầu tư vào danh mục cổ phiếu đa dạng được niêm yết trên TTCK Việt Nam một cách chủ động và linh hoạt kết hợp phương pháp phân tích cơ bản và kỹ thuật.

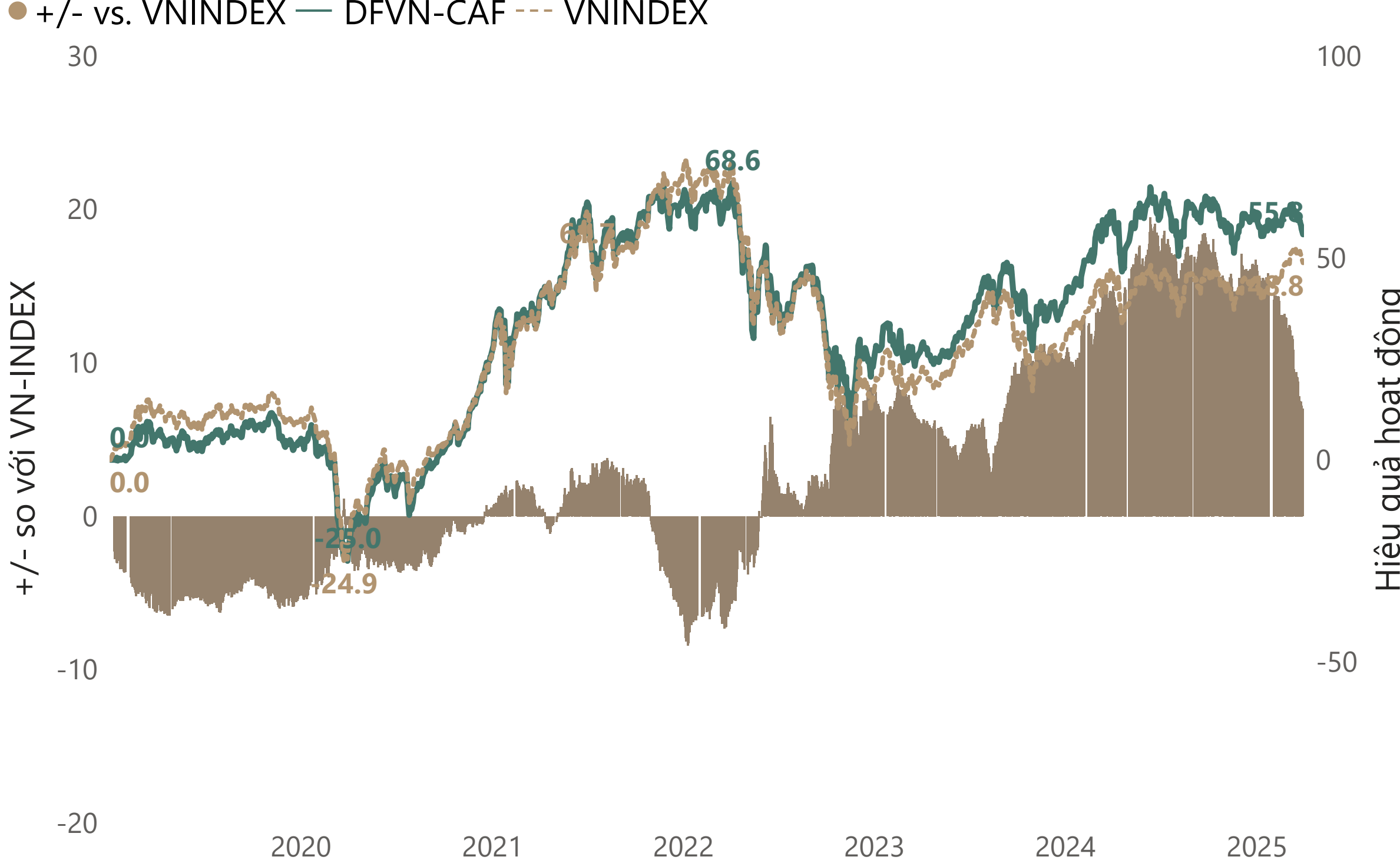
THÔNG TIN QUỸ

Thông tin Quỹ	DFVN-CAF
Ngày thành lập	03/01/2019
Tổng tài sản (NAV)	127.35 tỷ đồng
Ngân hàng Giám sát	HSBC Việt Nam
Phí quản lý	1.0%/năm
Phí phát hành*	Miễn phí
Phí yêu cầu mua lại*	0-2.0%
Ngày giao dịch	Thứ ba hàng tuần (T)
Hạn cuối nhận lệnh	11:30 Sáng thứ hai (T-1)
NAV/CCQ	15,582.70 VNĐ
Số mã cổ phiếu	43
Độ biến động	1.359%

(*)Xem chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (%)

● +/- vs. VNINDEX — DFVN-CAF --- VNINDEX

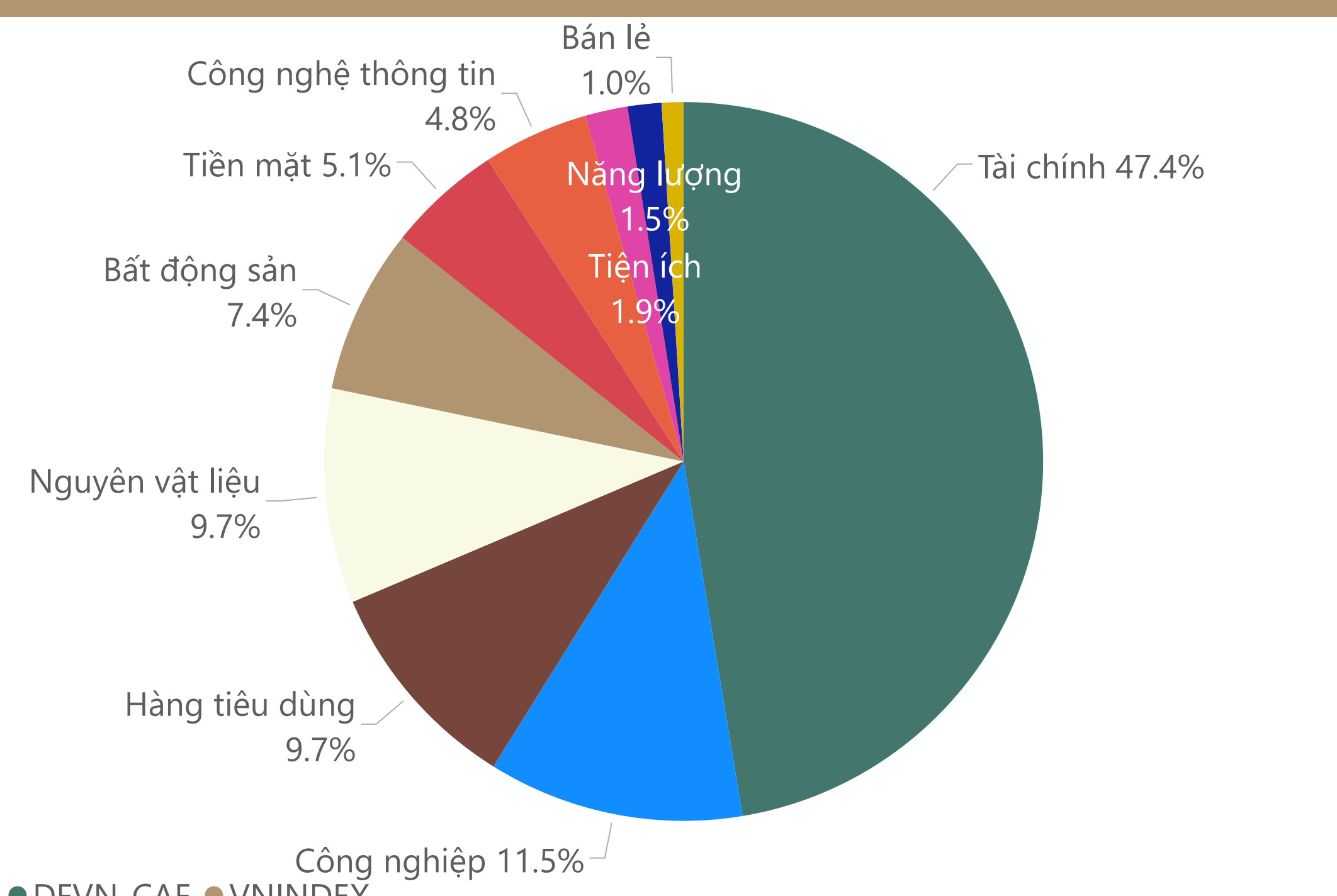


+/- so với VN-INDEX

Hiệu quả hoạt động

Ghi chú: DFVN-CAF hoàn tất giải ngân ngày 28/02/2019.

PHÂN BỐ DANH MỤC ĐẦU TƯ



● DFVN-CAF ● VNINDEX

Danh mục	DFVN-CAF (%)	VNINDEX (%)
Tài chính	47.4%	47.4%
Công nghiệp	11.5%	11.5%
Hàng tiêu dùng	9.7%	9.7%
Nguyên vật liệu	9.7%	9.7%
Bất động sản	7.4%	14.4%
Tiền mặt	5.1%	0.0%
Công nghệ thông tin	4.8%	4.8%
Tiềm năng	1.5%	1.5%
Tiềm ích	1.9%	5.3%
Bán lẻ	1.0%	1.0%
Dịch vụ viễn thông	0.0%	0.0%
Y tế	0.0%	0.0%

TĂNG TRƯỞNG THEO TỪNG KỲ - Xem báo cáo GIPS ở trang tiếp theo

Tăng trưởng (%)	1m	3m	12m	YTD	Thành lập	2024	2023	2022	2021	2020
DFVN-CAF	-3.1	-3.2	-3.0	-3.2	55.8	15.9	12.9	-25.1	30.1	21.0
VN-INDEX*	0.1	3.2	1.8	3.2	48.8	12.1	12.2	-32.8	35.7	14.9
So với VN-INDEX	-3.3	-6.4	-4.7	-6.4	7.0	3.8	0.7	7.7	-5.7	6.1

(Nguồn: DFVN, HOSE).
(*) VN-INDEX: Chỉ số giá VN-Index là Chỉ số tham chiếu bổ sung của Quỹ.

10 CỔ PHIẾU TIÊU BIỂU

Mã	Công ty	Ngành	% NAV	+/- vs. VNI
VCB	Vietcombank	Tài chính	8.0%	-1.8%
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	7.1%	5.0%
MBB	Ngân hàng Quân đội	Tài chính	5.1%	2.4%
BID	BIDV	Tài chính	5.0%	0.0%
TCB	Ngân hàng Techcombank	Tài chính	4.9%	1.3%
CTG	Ngân hàng Vietinbank	Tài chính	4.9%	0.8%
FPT	Tập đoàn FPT	Công nghệ thông tin	4.8%	1.5%
VPB	Ngân hàng VPBank	Tài chính	4.0%	1.2%
REE	Cơ điện lạnh REE	Công nghiệp	4.0%	3.3%
HPG	Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	3.9%	0.8%

Đầu tư ngay

Đăng ký mở tài khoản và đầu tư qua ứng dụng iTRUST



Ghi chú

DFVN lựa chọn chỉ số VN100 TRI làm chỉ số tham chiếu nhằm tuyên bố tuân thủ theo các tiêu chuẩn của GIPS (xem thông tin chi tiết trong báo cáo GIPS ở trang tiếp theo). Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ là tạo ra mức tăng trưởng tốt hơn mức tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam, được đo lường bằng chỉ số Vn-index. Đây cũng là chỉ số được sử dụng rộng rãi để làm chỉ số tham chiếu.

Lưu ý quan trọng:

Tài liệu này được soạn thảo và phát hành bởi Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“DFVN”) và có thể thay đổi tùy thuộc thị trường và các điều kiện khác. DFVN không chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ thông tin, dữ liệu của các Quỹ do DFVN quản lý và được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này phản ánh quan điểm và đánh giá của tác giả tại thời điểm phát hành, mục đích để tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tài liệu này không phải là lời đề nghị hay bất kỳ cam kết nào của DFVN hoặc Quỹ do DFVN quản lý. DFVN không có nghĩa vụ cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức trong trường hợp có ý kiến, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN-CAF")
Kể từ 03/01/2019 đến 31/12/2023

Năm	Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	Tỷ suất sinh lợi chỉ số tham chiếu (%)	Thông tin bổ sung (VN-Index (%))	Tỷ suất lợi nhuận trung bình hàng năm trong 3 năm (%)			Độ lệch chuẩn trung bình hàng năm trong 3 năm (%)			Tổng tài sản Quỹ quản lý (Tỷ đồng)	Tổng tài sản Công ty quản lý (Tỷ đồng)
					Quỹ	Chỉ số tham chiếu	VN-Index	Quỹ	Chỉ số tham chiếu	VN-Index		
Từ 03/01/19 - 31/12/19	4.38	7.42	6.94	9.42	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	81.17	24,641.85
2020	20.98	24.54	23.32	14.87	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	103.93	33,690.91
2021	30.05	33.22	49.29	35.73	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	155.83	41,368.13
2022	(25.10)	(23.40)	(35.88)	(32.78)	8.32	5.68	1.57	25.21	27.90	26.94	133.22	42,772.59
2023	12.94	15.47	20.29	12.20	5.62	4.81	0.78	18.36	22.38	20.68	162.40	57,802.91

1. DFVN tuân thủ các Chuẩn mực đo lường Hiệu suất đầu tư Toàn cầu (GIPS® - Global Investment Performance Standards) và đã chuẩn bị trình bày báo cáo này tuân theo các tiêu chuẩn của GIPS®. DFVN đã thiết lập các chính sách và quy trình để tuân thủ tất cả các yêu cầu áp dụng của tiêu chuẩn GIPS®. Tuy nhiên, việc tuân thủ theo các chuẩn mực GIPS® của DFVN chưa được một bên độc lập khác xác minh.
2. Công ty Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("DFVN") được thành lập và hoạt động từ tháng 02 năm 2014, tiền thân là Phòng Đầu tư Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, một trong những công ty Bảo hiểm Nhân thọ có vốn nước ngoài đầu tiên được thành lập tại Việt Nam. DFVN hiện tại đang quản lý các danh mục ủy quyền của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. Đồng thời, DFVN hiện đang quản lý 02 quỹ mở là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN-CAF") và Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN ("DFVN-FIX")
3. Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN-CAF") đầu tư vào một danh mục đa dạng bao gồm các cổ phiếu niêm yết có vốn hóa lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Dưới điều kiện bình thường của thị trường, DFVN-CAF sẽ đầu tư 50-100% tài sản ròng vào các cổ phiếu được niêm yết trên Sàn Chứng khoán Việt Nam.

4. Chỉ số VN100 là chỉ số của 100 mã cổ phiếu có giá trị vốn hóa, khả năng thanh khoản và tỷ lệ tự do chuyển nhượng hàng đầu đáp ứng điều kiện tham gia vào bộ chỉ số, được xây dựng và lựa chọn bởi Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE"). Bộ chỉ số Tổng thu nhập VN100 ("VN100 TRI") cũng được HOSE cung cấp theo từng ngày giao dịch và được DFVN chọn làm chỉ số tham chiếu để tuân thủ đúng theo các tiêu chuẩn của GIPS®.

5. Chỉ số VN-Index sẽ được chọn để làm chỉ số tham chiếu bổ sung cho VN100 TRI và được ghi nhận là "Thông tin bổ sung" trong báo cáo theo chuẩn mực GIPS®.

6. Định giá và tính toán trong báo cáo trên được tính dựa trên Việt Nam đồng. Các quy tắc định giá, tính toán hiệu suất và việc chuẩn bị báo cáo GIPS® có sẵn khi được yêu cầu.

7. Lợi nhuận Quỹ bao gồm lợi nhuận ròng và lợi nhuận gộp. Tổng chi phí của Quỹ bao gồm phí quản lý Quỹ, chi phí hành chính và các khoản chi phí khác. Để tính lợi nhuận gộp, DFVN cộng thêm một tỷ lệ tổng chi phí (TER - Total expense ratio) hàng tháng vào tỷ suất lợi nhuận ròng. Tỷ lệ tổng chi phí của Quỹ sẽ được tính dựa trên tổng chi phí và tổng tài sản ròng bình quân và được phản ánh trên chi phí giao dịch. Phí quản lý Quỹ tối đa sẽ là 1.5%/năm và có thể phát sinh giảm trong thời gian tới. Vui lòng xem kỹ Bản Cáo bạch của Quỹ để biết thêm thông tin chi tiết. Tỷ lệ chi phí của Quỹ tại thời điểm cuối năm tài chính gần nhất (31/12/2023) là 2.23%.

8. Tỷ suất lợi nhuận gộp được sử dụng để tính độ lệch chuẩn trung bình hàng năm trong 3 năm.

9. Danh sách mô tả về Quỹ sẽ luôn có sẵn khi được yêu cầu.

10. Ngày thành lập và cũng là ngày Quỹ đi vào hoạt động là 03/01/2019.

11. Độ lệch chuẩn trung bình hàng năm trong 3 năm cho biết độ biến động của Quỹ so với chỉ số tham chiếu trong vòng 36 tháng. DFVN sử dụng lợi nhuận gộp để tính độ lệch chuẩn.

12. GIPS® là nhãn hiệu được đăng ký quyền sở hữu của viện CFA. Viện CFA không bảo trợ hoặc quảng cáo cho tổ chức này, cũng như không bảo đảm về tính chính xác hoặc chất lượng của nội dung được chứa trong đây.